

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Tổ 20, Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - Hà Nội

Tel: 024 3883 2505

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101023733 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/04/2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 30/7/2019)



Bản Thông tin tóm tắt này được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - Hà Nội.

Điện thoại: 024 3883 2505

Website: dautuvaxaydungvvmi.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow, Số 2 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 6288 2006 Fax: (024) 6288 2008

Website: <http://www.vdsc.com.vn>

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Ông: Trịnh Hoàng Nam - Giám đốc

Địa chỉ: Tổ 20, Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - Hà Nội

Tel: 024 3883 2505

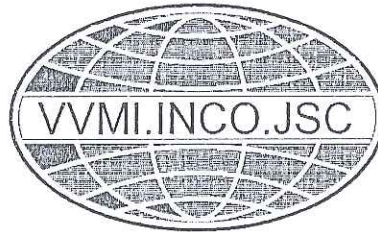
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Tổ 20, Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - Hà Nội

Tel: 024 3883 2505

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101023733 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/04/2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 30/7/2019)



Bản Thông tin tóm tắt này được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - Hà Nội.

Điện thoại: 024 3883 2505

Website: dautuvaxaydungvvmi.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow, Số 2 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 6288 2006 Fax: (024) 6288 2008

Website: <http://www.vdsc.com.vn>

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Ông: Trình Hoàng Nam - Giám đốc

Địa chỉ: Tổ 20, Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - Hà Nội

Tel: 024 3883 2505

MỤC LỤC

I. CÁC KHÁI NIỆM.....	4
II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	5
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	5
2. Cơ cấu tổ chức công ty.....	11
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty.....	12
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông:	14
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng	15
6. Hoạt động kinh doanh	16
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.....	21
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	22
9. Chính sách đối với người lao động.....	23
10. Chính sách cổ tức	24
11. Tình hình tài chính.....	25
12. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty).....	31
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	33
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng.....	34
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	34
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty	35
III. QUẢN TRỊ CÔNG TY	35
1. Hội đồng quản trị.....	35
2. Ban kiểm soát.....	39
3. Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.....	42

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty	43
IV. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	44
1. Tổ chức tư vấn	44
2. Tổ chức kiểm toán	44
V. PHỤ LỤC	44

I. CÁC KHÁI NIỆM

TỪ NGỮ, KHÁI NIỆM	DIỄN GIẢI
Bản Thông tin tóm tắt	Bản Thông tin tóm tắt của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
Cổ phần	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
Cổ phiếu	Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.
Cổ đông	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty.
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính
Công ty, Công ty đại chúng, INCO	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI
Tổ chức tư vấn, Ròng Việt, VDS, VDSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ròng Việt – Chi nhánh Hà Nội
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SGDCKHN, HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
TTCK	Thị trường Chứng khoán
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HDQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
BGD	Ban Giám đốc
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
BCTC	Báo cáo tài chính
CTCP	Công ty cổ phần
Giấy CN ĐKDN (ĐKKD)	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đăng ký kinh doanh)
TP	Thành phố
VĐL	Vốn điều lệ

II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu về Công ty

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI
Tên tiếng Anh: VVMI INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt: VVMI.INCO JSC
Người đại diện pháp luật: Ông Trịnh Hoàng Nam – Giám đốc
Trụ sở chính: Tổ 20 – Thị trấn Đông Anh – huyện Đông Anh – TP Hà Nội.
Số điện thoại: 0243.883.2505
Website: dautuvaxaydungvvmi.com.vn
Email: tchcvvmi@gmail.com

Logo:



Vốn điều lệ đăng ký: 10.197.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp: 10.197.000.000 đồng
Giấy CN ĐKDN: số 0101023733 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/4/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 30/7/2019.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu:

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
2392	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét - Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
4312	Chuẩn bị mặt bằng - Chi tiết: San lấp nền móng các công trình và làm đường bộ, cầu cống;
6810 (Chính)	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh nhà ở.
1610	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ

1622	Sản xuất đồ gỗ xây dựng
2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại
4311	Phá dỡ
4321	Lắp đặt hệ thống điện
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh,
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà,
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, véc ni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim
4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh
4753	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác - Chi tiết: Xây lắp công trình công nghiệp, dân dụng; Xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp đến 35KV; Xây lắp các công trình thủy lợi;
4101	Xây dựng nhà để ở
5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy

	Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa
5224	Bốc xếp hàng hóa
4102	Xây dựng nhà không để ở
4211	Xây dựng công trình đường sắt
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;
4212	Xây dựng công trình đường bộ
7020	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý.
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động đo đạc bản đồ;
4221	Xây dựng công trình điện
4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
4223	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
4229	Xây dựng công trình công ích khác
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
4759	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh
5225	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ

Ngày trở thành công ty đại chúng: 20/12/2019 (theo công văn số 7609/UBCK-GSDC ngày 20/12/2019 của UBCKNN)

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Mã chứng khoán : DXD
- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 1.019.700 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký giao dịch: Không
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài:

Điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI không quy định cụ thể tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 49%/vốn điều lệ.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 03/01/2020, Công ty không có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu cổ phần.

1.3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng – VVMI tiền thân là Xí nghiệp xây lắp Đông Anh là đơn vị hạch toán trong nội bộ của Công ty Than III (thành lập ngày 01/8/1980 theo quyết định số 50 ĐT/ TCCB3 ngày 09/7/1980).

Tháng 07/1987, Xí nghiệp xây lắp Đông Anh tiếp nhận thêm Công trường xây lắp I Đồng giao.

Ngày 21/04/1993, Bộ trưởng Bộ Năng lượng có Quyết định số 211/NL-TCCB-LĐ về việc sáp nhập Xí nghiệp sản xuất vật liệu vào Xí nghiệp xây lắp Đông Anh từ 01/5/1993.

Ngày 26/06/1993: đổi tên thành Xí nghiệp xây dựng công nghiệp và dân dụng Hà Nội trực thuộc Công ty Than nội địa theo Quyết định số 394 NL/TCCB ngày 26/6/1993.

Ngày 23/03/1999: sáp nhập thêm một phần của Xí nghiệp vật liệu xây dựng và xây lắp Bắc Thái trực thuộc Công ty Than nội địa

Năm 2000: Doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa theo quyết định số: 08/2000/QĐ-BCN ngày 23/02/2000 của Bộ Công nghiệp về việc chuyển đổi từ Xí nghiệp xây dựng công nghiệp và dân dụng Hà Nội thành Công ty cổ phần xây lắp Đông Anh.

Ngày 04/04/2000, Công ty chính thức được chuyển thành Công ty cổ phần với tên gọi

Công ty cổ phần xây lắp Đông Anh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000030 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04/04/2020 với vốn điều lệ ban đầu là 1.800.000.000 đồng.

Đại hội đồng cổ đông họp ngày 26 tháng 3 năm 2005 đã nhất trí đổi tên Công ty cổ phần xây lắp Đông Anh thành Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Than nội địa trực thuộc Công ty Than nội địa.

Đại hội đồng cổ đông họp ngày 30 tháng 3 năm 2009 đã nhất trí đổi tên Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Than nội địa thành Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI thuộc Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - TKV (Nay là Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin).

- Các dấu mốc phát triển:

Công ty trải qua nhiều bước thăng trầm, đặc biệt là sau thời kỳ sát nhập 1987-1993 Công ty bị khủng hoảng trầm trọng: Âm vốn, công nhân không có việc làm, một số công trình không thu hồi được vốn, nợ ngân hàng quá lớn, lãi vay quá hạn cao. Công ty mất khả năng thanh toán nợ cho công nhân và khách hàng. Với tài sản trải rộng từ Ninh Bình đến Bắc Thái, Công ty gặp khó khăn trong công tác quản lý, tổ chức sản xuất. Công ty gặp khó khăn trong việc thích nghi với cơ chế thị trường, cạnh tranh với các đơn vị khác trên thị trường khi tham gia đấu thầu. Tưởng chừng, Công ty không thể vượt qua được những khó khăn này. Tuy nhiên, nhờ sự giúp đỡ của lãnh đạo Công ty than Nội Địa – Bộ Công nghiệp – Tổng Công ty than Việt Nam, sự nỗ lực và chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo, Công ty đã vạch ra các kế hoạch và tổ chức sắp xếp lại hoạt động một cách hợp lý và có hiệu quả. Từ đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã có nhiều thay đổi.

Giai đoạn 2000-2012 đa số cán bộ công nhân viên Công ty là lực lượng lao động nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng nên có nhiều kinh nghiệm và am hiểu sâu về nghiệp vụ xây dựng, có sức khỏe tốt, có tâm huyết với nghề, thái độ làm việc nghiêm túc, cẩn trọng. Đặc biệt là bộ máy lãnh đạo Công ty với 30% cán bộ có trình độ Đại học, 30% có trình độ Cao đẳng và trung cấp về chuyên ngành quản lý và kinh tế xây dựng. Từ đó, tập thể người lao động Công ty đã phát huy các kết quả đạt được, mở rộng ngành nghề, tạo bước đột biến, tạo thế phát triển vững chắc và lâu dài, vững bước tiến vào thế kỷ 21.

Giai đoạn 2015 đến nay Công ty gặp nhiều khó khăn do lực lượng lao động giảm sút do CBCNV nghỉ chế độ, thị trường xây dựng thu hẹp do chủ trương cắt giảm đầu tư của nhà

nước. Bằng sự nỗ lực của Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể CBCNV Công ty đã vượt qua khó khăn hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao, đảm bảo đời sống cho người lao động và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước.

- Các thành tích, giải thưởng, bằng khen đạt được:

Năm 2006: Được Chủ tịch nước khen tặng “Huân chương lao động hạng Ba”

Năm 2006: Được Đảng ủy khối CN Hà nội khen tặng “Đảng bộ trong sạch vững mạnh”

Năm 2009: Được UBND thành phố Hà nội khen tặng “Cúp Thăng Long”

Năm 2010: Được Thủ tướng chính phủ tặng Bằng khen.

Năm 2011: Được Bộ trưởng bộ công thương tặng bằng khen.

Năm 2012: Được Chủ tịch nước khen tặng “Huân chương lao động hạng Nhì”

Năm 2014: Được Thủ tướng chính phủ tặng bằng khen.

Năm 2016: Được Bộ trưởng bộ công thương tặng bằng khen.

Và 150 lượt CBCNV được tặng thưởng danh hiệu CSTĐ, LĐTT. Được Thủ tướng và Bộ công thương tặng bằng khen trong những năm qua.

1.4. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Từ khi chuyển đổi thành công ty cổ phần (ngày 04/04/2000) đến nay, CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVMi đã thực hiện quá trình tăng vốn từ 1,8 tỷ đồng lên 10,197 tỷ đồng như sau:

TT	Thời gian hoàn thành	Vốn điều lệ tăng thêm (tỷ đồng)	VĐL sau phát hành (tỷ đồng)	Hình thức phát hành	Mục đích sử dụng vốn	Cơ sở pháp lý
1	29/3/2003	0,7	2,5	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Tổng Công ty than Việt Nam	- Bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	- NQ ĐHCĐ thường niên năm 2003 - Quyết định HĐQT năm 2003 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000030 thay đổi lần thứ 2 ngày 26/8/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp

TT	Thời gian hoàn thành	Vốn điều lệ tăng thêm (tỷ đồng)	VĐL sau phát hành (tỷ đồng)	Hình thức phát hành	Mục đích sử dụng vốn	Cơ sở pháp lý
2	30/3/2012	3,5	6,0	Phát hành cổ phiếu thưởng, tỷ lệ 1:1,4	- Tái đầu tư phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	- NQ ĐHCĐ thường niên năm 2012 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101023733 thay đổi lần thứ 5 ngày 26/04/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp
3	27/3/2015	3,9	9,9	Phát hành cổ phiếu thưởng, tỷ lệ 1:0,65	- Tăng quy mô vốn điều lệ để nâng cao năng lực cạnh tranh về vốn	- NQ ĐHCĐ thường niên năm 2015 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101023733 thay đổi lần thứ 6 ngày 08/04/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp
4	22/3/2019	0,297	10,197	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 3% mệnh giá	- Nguồn vốn tăng thêm dùng để nâng cao năng lực về vốn cho Công ty khi tham gia đấu thầu.	- NQ ĐHCĐ thường niên năm 2019 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101023733 thay đổi lần thứ 8 ngày 30/7/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

(Nguồn: CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVMI)

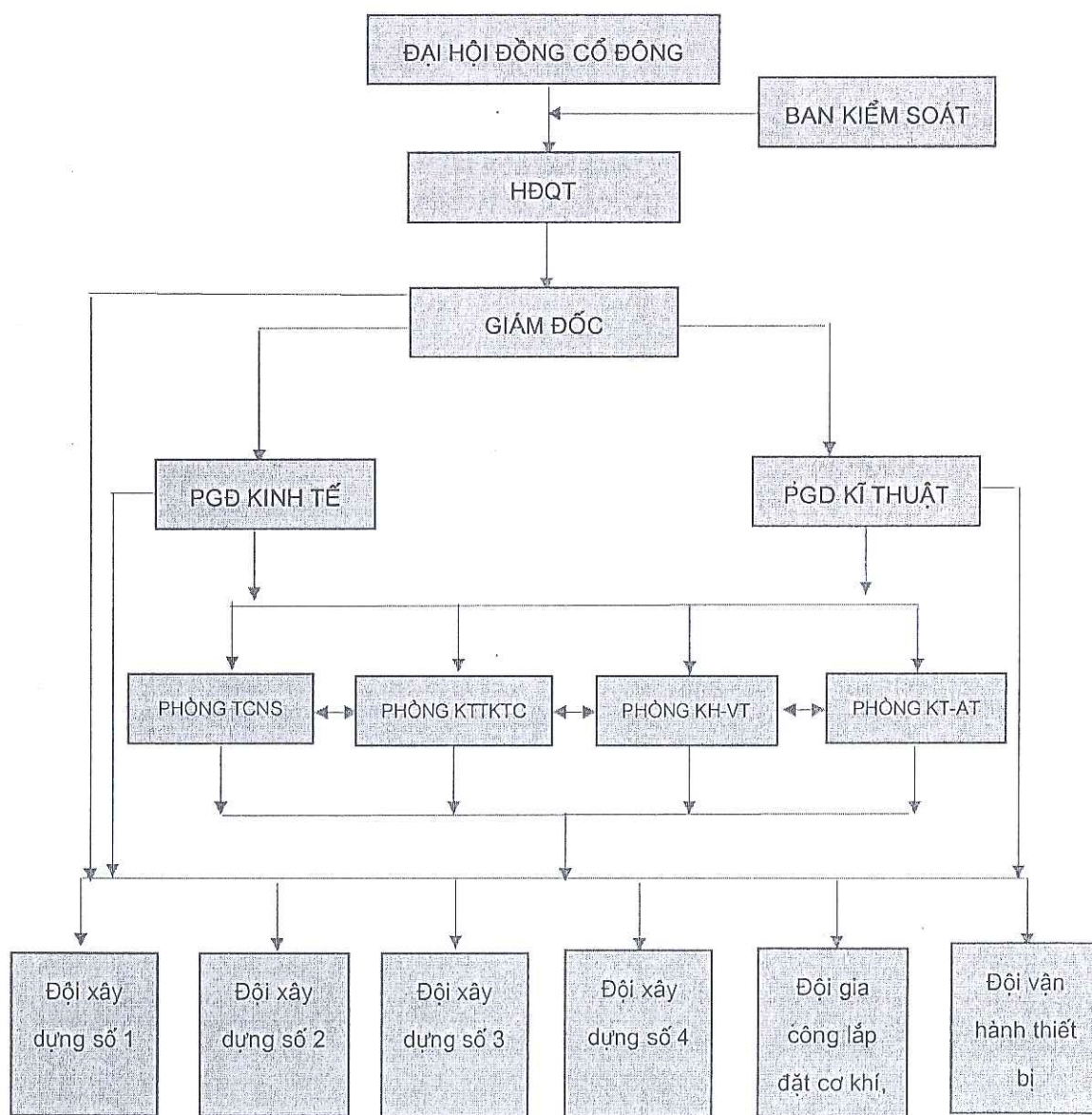
2. Cơ cấu tổ chức công ty

STT	Công ty	Địa chỉ
I	Trụ sở chính	Tổ 20 – Thị trấn Đông Anh – huyện.Đông Anh – Hà Nội
II	Các đơn vị trực thuộc	

STT	Công ty	Địa chỉ
1	Văn phòng đại diện	624 – Dương Tự Minh – Quán Triều – Thành phố Thái Nguyên
2	Văn phòng đại diện	250 phường Cẩm Phú, thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh

(Nguồn: CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVMI)

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty



(Nguồn: CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVMI)

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần với các nội dung chi tiết như sau:

3.1 Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty cổ phần, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ công ty cổ phần quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của công ty cổ phần và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của công ty cổ phần.

3.2 Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty cổ phần, có toàn quyền nhân danh công ty cổ phần để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty cổ phần, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Ban Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, điều lệ công ty cổ phần, các quy chế nội bộ của công ty cổ phần và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

3.3 Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của công ty cổ phần. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

3.4 Ban Giám đốc

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trực tiếp chỉ đạo các phòng chức năng, quyết định các vấn đề tổ chức nhân sự, bố trí cán bộ, điều động nhân lực, xe máy, vật tư... và chịu trách nhiệm trước pháp luật...

3.5 Các phòng ban chức năng và đơn vị sản xuất trực thuộc.

- Phòng Tổ chức nhân sự (TCNS): Tham mưu và giúp lãnh đạo thực hiện công tác tổ chức, cán bộ; Bảo vệ chính trị nội bộ, Đảm nhiệm công tác hành chính – tổng hợp, văn thư - lưu trữ, Phụ trách công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật, Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, pháp chế theo quy định hiện hành, Quản lý công tác bảo vệ và tổ xe.
- Phòng Kế toán Thống kê Tài chính (KTTKTC): Có nhiệm vụ hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị một cách kịp thời, đầy đủ đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động kinh

doanh; chủ trì và phối hợp với các phòng có liên quan để lập kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của công ty; thực hiện, tham gia thực hiện và trực tiếp quản lý công tác đầu tư tài chính, cho vay tại đơn vị; tham mưu cho lãnh đạo đơn vị về việc chỉ đạo thực hiện hoặc trực tiếp thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý và chấp hành chế độ tài chính – kế toán; nghiên cứu và đề xuất với Lãnh đạo đơn vị các biện pháp quản lý hoạt động kinh doanh đảm bảo chấp hành tốt đúng chế độ hiện hành và phù hợp với đặc điểm, tình hình kinh doanh của đơn vị để đạt hiệu quả cao nhất.

- Phòng Kế hoạch – Vật tư – Thị trường: Lập, quản lý, theo dõi kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Chủ trì thực hiện công tác đầu tư - xây dựng, đấu thầu - giao thầu. Xây dựng kế hoạch đầu tư sửa chữa và xây dựng mới cơ sở hạ tầng. Quản lý, thực hiện và kiểm tra công tác kỹ thuật, thi công nhằm đảm bảo tiến độ, an toàn, chất lượng, khối lượng và hiệu quả kinh tế trong toàn Công ty. Tham mưu, giúp việc cho Ban điều hành công ty trong công tác kế hoạch và các vấn đề kỹ thuật của dự án .
- Phòng Kỹ thuật An Toàn (KT-AT): Tham mưu cho Giám đốc hồ sơ thiết kế và thi công các công trình phù hợp với năng lực của Công ty. Bóc tách khối lượng, kiểm tra bản vẽ, Lập và xem xét các quy trình kỹ thuật, kế hoạch chất lượng theo yêu cầu của các công trình; Tổ chức hướng dẫn kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy trình kỹ thuật, kế hoạch chất lượng, tổ chức thực hiện và thực hiện công tác giám sát trực tiếp đối với công trình thi công. Giám sát, theo dõi kiểm tra phát hiện kịp thời những sự cố kỹ thuật trong quá trình thi công và đề xuất các phương án xử lý, đảm bảo chất lượng công trình, Lập biện pháp thi công và lập phương án về tiến độ đối với các công trình, cập nhật, đánh giá và cải tiến các quy trình kỹ thuật, quy trình đảm bảo chất lượng, kế hoạch chất lượng theo thực tế thi công nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của công trình. Kiểm tra, tổ chức nghiệm thu và chịu trách nhiệm về các tài liệu, hồ sơ hoàn công các công trình khi nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng và lưu trữ hồ sơ hoàn công. Tham gia Hội đồng lập hồ sơ đề xuất, hồ sơ dự thầu. Lập và soát xét hồ sơ mời thầu phần yêu cầu kỹ thuật và tham gia tổ chuyên gia giúp việc đấu thầu; lập hồ sơ dự thầu và tham gia đấu thầu xây lắp các công trình.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông:

4.1. Cơ cấu cổ đông Công ty

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 03/01/2020 như sau:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	236	1.019.700	100
	- Tổ chức	01	520.047	51%
	- Cá nhân	235	499.653	49%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	- Tổ chức	0	0	0
	- Cá nhân	0	0	0
3	Cổ phiếu quỹ		0	0
@	Tổng cộng	236	1.019.700	100

Nguồn: CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVMI

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 03/01/2020 như sau:

Stt	Cổ đông	CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	SLCP	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	0100100015	Số 1 Phan Đình Giót, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	520.047	51
2	Lê Trung	0010372369	Số 26, ngõ Yên Linh, Phường Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội	81.576	8
@	TỔNG CỘNG			601.623	59

Nguồn: CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVMI

4.3. Danh sách và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông sáng lập

Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000269 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần 04 ngày 23/02/2000. Theo quy định tại Luật doanh nghiệp, đến nay, việc hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phiếu phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công

ty đại chúng

5.1. Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVM

Tên tổ chức: Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP
Địa chỉ: Số 1, Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại: (+8424).36647515 – Fax: (+8424).36647493
Vốn điều lệ đăng ký: 1.050.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp: 1.050.000.000.000 đồng
Giấy CN ĐKDN: Số 0100100015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 22/05/2015

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: Khai thác và thu gom than cứng, sản xuất vật liệu xây dựng

Vốn góp tại INCO: 5.200.470.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ.

5.2. Công ty con, công ty mà CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVM đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản phẩm, dịch vụ của Công ty

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu trong hoạt động thi công, xây lắp: công trình nhà ở; thi công xây dựng kho xưởng – dây truyền sản xuất; xây lắp hệ thống, đường dây trạm biến áp; thi công hệ thống thoát nước, cống, cầu kè,...

- Các công trình đang thực hiện:

+ Xây dựng 28 tuyến cống bê, kéo cáp tại Thành phố Huế - Tổng Công ty Mạng lưới Viettel

+ Thi công xây dựng cửa hàng bán lẻ xăng dầu Cẩm Phả - Công ty cổ phần Vật tư - TKV

+ Xây dựng nhà che than thương phẩm – Công ty than Thống Nhất – TKV

+ Xây dựng xưởng sửa chữa bảo dưỡng ô tô - Công ty Cổ phần than Hà Tu – Vinacomin

- Khách hàng của công ty:

+ Các thị trường truyền thống như: Công ty than Thống Nhất – TKV, Công ty cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin, Cty than Khe Chàm – TKV, Công ty than Dương Huy, Công ty

Tuyển than Cửa Ông

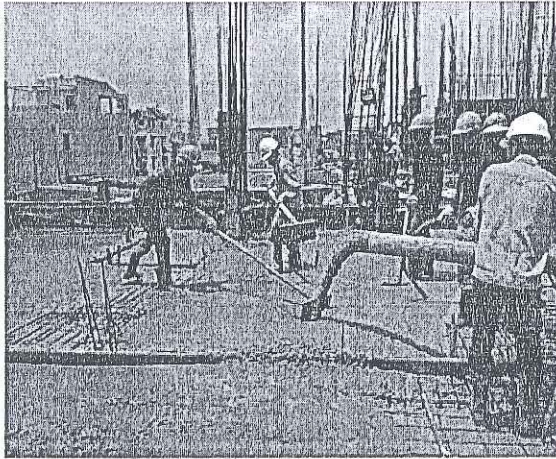
+ Năm 2020 Công ty đã ký hợp đồng với một số khách hàng mới như: Công ty cổ phần Vật tư – TKV, Công ty Cổ phần than Hà Tu – Vinacomin.

- Do nhu cầu của các khách hàng hiện có, Công ty đã triển khai thêm lĩnh vực mới là sản xuất sản phẩm cửa nhựa lõi thép và cửa nhôm kính. Đây là lĩnh vực của Công ty vừa tận dụng máy móc, nhà xưởng sẵn có cũng như đáp ứng nhu cầu của các khách hàng đang sử dụng sản phẩm xây lắp của Công ty.

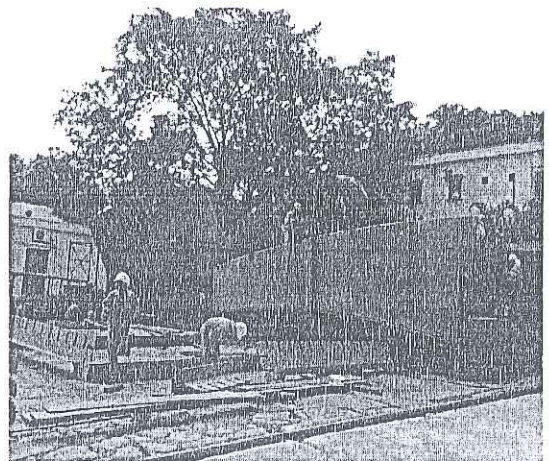
- Ngoài ra dịch vụ thiết kế, cung cấp, lắp đặt thiết bị theo nhu cầu của khách hàng cũng được Công ty triển khai.

- Một số hình ảnh cụ thể về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

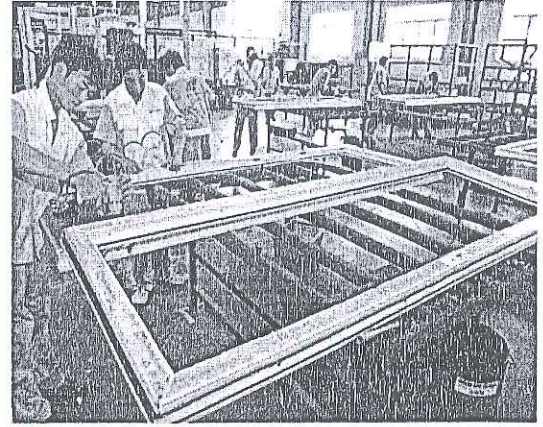
Công tác đổ bê tông, cốt thép



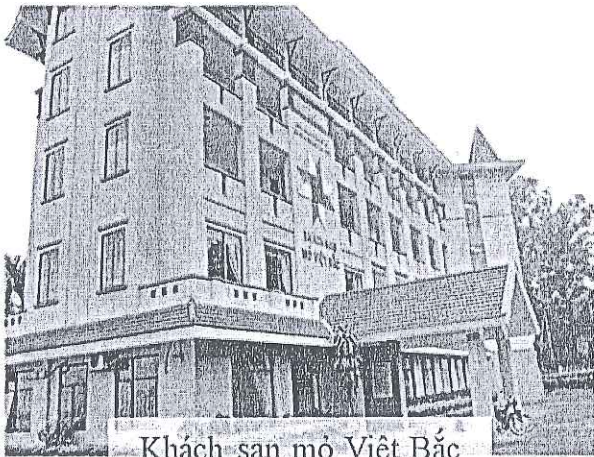
Gia công kết cấu thép



Sản xuất cửa nhựa lõi thép, cửa nhôm kính



Các công trình đã thi công

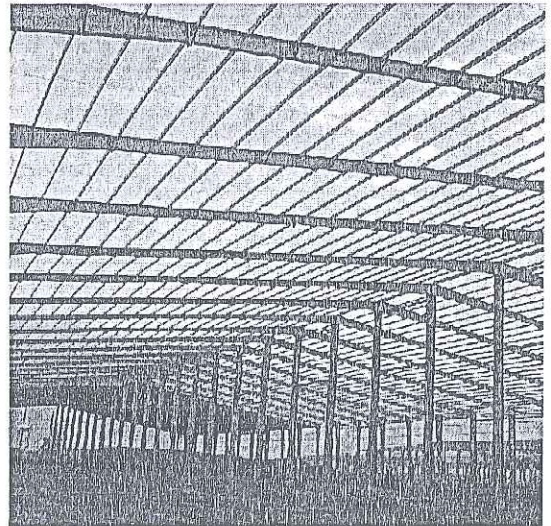
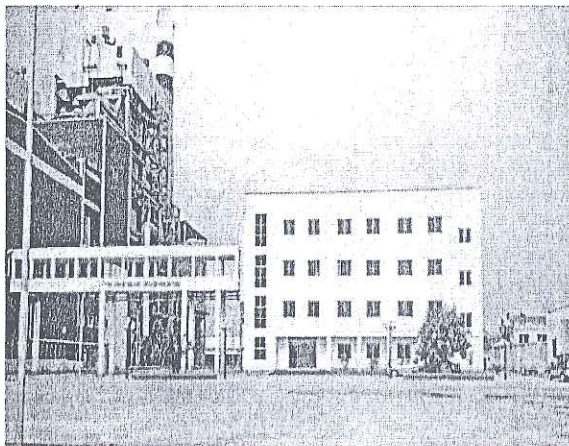


Khách sạn mô Việt Bắc



Nhà điều hành sản xuất
Công ty Tuyển Than Cửa Ông

Thi công một số hạng mục công trình tại nhà
máy nhiệt điện Cao Ngạn



6.2. Cơ cấu doanh thu thuần, lợi nhuận gộp

Cơ cấu doanh thu thuần các mảng hoạt động qua các năm

Đơn vị tính: ngàn đồng

Doanh thu thuần	Năm 2018		Năm 2019		% (+/-)
	Giá trị	%	Giá trị	%	
Xây lắp	63.835	99,90	35.884	98,09	-43,79
Khác	65	0,1	700	1,91	977,47
Tổng cộng	63.900	100	36.584	100	-42,75

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của INCO

Doanh thu năm 2019 suy giảm mạnh so với năm 2018. Nguyên nhân do hoạt động xây lắp trong năm 2019 gặp nhiều khó khăn. Các khách hàng truyền thống là các đơn vị trong cùng hệ thống Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam giảm mạnh về nhu cầu xây lắp, sửa chữa. Đối với các công trình bên ngoài, Công ty gặp sự cạnh tranh khốc liệt từ các đơn vị cùng ngành. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực của Công ty mỏng, việc tuyển dụng không đạt kế hoạch đề ra dẫn đến thiếu hụt lao động có tay nghề.

❖ Cơ cấu lợi nhuận gộp các mảng hoạt động qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Lợi nhuận gộp	Năm 2018		Năm 2019		% (+/-)
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	
Xây lắp	4.918	7,70	2.969	8,12	-40,39
Khác	-	-	520	1,42	-
Tổng cộng	4.918	7,70	3.489	9,54	-29,06

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và 2019 của INCO

6.3. Chi phí sản xuất kinh doanh

Cơ cấu các khoản mục chi phí chủ yếu của Công ty qua các năm:

Đơn vị tính: triệu đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2018		Năm 2019		% (+/-)
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	
Giá vốn hàng bán	58.982	92,30	33.095	90,46	-43,89
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-
Chi phí QLDN	4.222	6,61	2.712	7,41	-35,76

Yếu tố chi phí	Năm 2018		Năm 2019		%(+/-)
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	
Chi phí tài chính	748	1,17	780	2,13	4,24
Tổng cộng	63.952	100,08	36.587	100,01	-42,79

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và 2019 của INCO

Năm 2019, tổng chi phí của Công ty giảm mạnh so với năm 2018 do hoạt động xây lắp của Công ty gặp nhiều khó khăn. Do doanh thu giảm mạnh, Công ty thực hiện tiết kiệm tối đa chi phí, cắt giảm tối đa nhân lực. Qua đó, quỹ lương Công ty giảm tới 60% so với năm 2018. Đồng thời, các khoản phụ cấp cũng được tính toán để cắt giảm tối đa.

6.4. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Stt	Tên đối tác	Sản phẩm cung cấp	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Năm thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Công ty than Thống Nhất – TKV	Xây dựng nhà che than thương phẩm	9.021	2020	120 ngày
2	Công ty Cổ phần than Hà Tu – Vinacomin	Xây dựng xưởng sửa chữa bảo dưỡng ô tô	12.264	2020	180 ngày
3	Công ty cổ phần Vật tư - TKV	Thi công xây dựng cửa hàng bán lẻ xăng dầu Cẩm Phả	10.521	2019	90 ngày
4	Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	Xây dựng nhà điều hành sản xuất công trường số 2	26.288	2018	180 ngày
5	Công ty TNHH Thương mại Ngọc Anh	Xây dựng nhà ở công nhân	11.624	2018	209 ngày

@	Tổng cộng		69.718	
---	-----------	--	--------	--

Nguồn: CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVMI

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

7.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% (+/-)
1	Tổng giá trị tài sản	57.466	29.163	-49,25
2	Vốn chủ sở hữu	10.651	10.656	0,05
3	Doanh thu thuần	63.900	36.584	-42,75
4	Lợi nhuận từ HĐKD	22	140	539,79
5	Lợi nhuận khác	124	4	-96,80
6	Lợi nhuận trước thuế	146	144	-1,28
7	Lợi nhuận sau thuế	7	5	-26,54
8	Giá trị sổ sách	10.758	10.450	-2,86

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của INCO

Do hoạt động kinh doanh năm 2019 sụt giảm về số lượng hợp đồng và giá trị hợp đồng. Vì vậy, doanh thu của Công ty sụt giảm mạnh. Do đặc thù ngành xây dựng, khi ký được hợp đồng xây dựng, các khoản phải thu và phải trả sẽ tăng. Trong điều kiện doanh thu sụt giảm, các hợp đồng ký mới ít dẫn đến giảm các công nợ phải thu và phải trả. Điều này dẫn đến làm giảm giá trị Tài sản ngắn hạn và Tổng tài sản. Mặc dù doanh thu của Công ty sụt giảm mạnh. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế của Công ty chỉ giảm 26,54% so với năm 2018. Nguyên nhân là do Công ty đã đẩy mạnh tiết kiệm chi phí, đặc biệt là giảm quỹ lương để đảm bảo kết quả kinh doanh của Công ty.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Thuận lợi:

- Bề dày về kinh nghiệm trong xây dựng các công trình Dân dụng, công nghiệp, giao thông năng lượng gần 40 năm

- Công ty được sự tin tưởng và hỗ trợ về nguồn hợp đồng cho các doanh nghiệp trong hệ thống Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam.
- Bộ máy tinh gọn, Đội ngũ CBCNV có nhiều kinh nghiệm lâu năm.

⚡ Khó khăn:

- Tình hình kinh tế khó khăn nên các khách hàng truyền thống là các đơn vị trong cùng hệ thống Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam giảm mạnh về nhu cầu xây lắp, sửa chữa. Trong khi đó các Doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây dựng ngày càng nhiều dẫn tới để có việc làm, Công ty phải đấu thầu và cạnh tranh rất nhiều về tiến độ, chất lượng và về giá. Giá cả vật tư, vật liệu, lãi xuất và tiền lương biến động tăng nhiều.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của công ty trong ngành

- Là Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động chủ yếu là thực hiện chức năng và nhiệm vụ xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà xưởng, vật kiến trúc cho các Đơn vị trong Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với gần 40 năm kinh nghiệm hoạt động. Công ty đã xây dựng được nhiều công trình đảm bảo kỹ thuật, mỹ thuật, tiến độ và đáp ứng được các yêu cầu của các Chủ đầu tư.
- Từ năm 2016, Công ty đã mở hướng hoạt động sản xuất kinh doanh ra ngoài ngành than tham gia đấu thầu, chào giá cạnh tranh, ký kết hợp đồng xây dựng với các Tổng công ty và Tập đoàn kinh tế khác...
- Trong quá trình thực hiện, Công ty luôn được các Chủ đầu tư đánh giá cao và giữ được uy tín.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành xây dựng, thi công lắp đặt nhìn chung đang có xu hướng phát triển chậm lại nhưng vẫn khả quan và triển vọng. Ngành xây dựng đã bắt đầu năm thứ 3 năm liên tiếp trong chu kỳ giảm tốc (kể từ năm 2016), tuy nhiên, tăng trưởng ngành trong năm 2018 vẫn đạt 8,02 %, cao hơn mức tăng GDP bình quân cả nước là 7,08%. Xét về ngắn và dài hạn, ngành xây dựng vẫn đang có nhiều yếu tố thuận lợi, bao gồm:

- Dân số khoảng 96 triệu người và độ tuổi trung bình 31, dân số trẻ vẫn chiếm ưu thế. Dân số cao dẫn đến nhu cầu về Nhà ở, về xây dựng hạ tầng vẫn tiếp tục tăng cao.
- Tầng lớp trung lưu (thu nhập 7,000-70,000 USD/năm) tiếp tục tăng nhanh, đạt con số 81,7% hộ gia đình tại Việt nam. Dự kiến tầng lớp này sẽ tăng trưởng thêm 19% trong năm 2019.
- Môi trường pháp lý tiếp tục cải thiện. Luật Nhà ở cho phép cá nhân và doanh nghiệp nước ngoài sở hữu nhà tại Việt Nam và nhu cầu văn phòng, co-working đang tăng mạnh mẽ tại các thành phố lớn.

Kết quả điều tra mới nhất về xu hướng sản xuất kinh doanh ngành xây dựng của Tổng cục Thống kê cho thấy, có đến 60,4% doanh nghiệp xây dựng nhà các loại đánh giá thị trường xây dựng ổn định và thuận lợi hơn từ quý I/2019. Trong đó, doanh nghiệp ngoài nhà nước dự báo thị trường khả quan nhất với 59,8% doanh nghiệp đánh giá ổn định và thuận lợi hơn. Doanh nghiệp nhà nước là 57% và khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (doanh nghiệp FDI) là 58,9%...

Qua đó có thể thấy, bỏ qua 1 số khó khăn nhỏ do bước vào chu kỳ giảm tốc sau sự tăng đột phá giai đoạn 2015-2016, về ngắn hạn trong năm 2019 và dài hạn, ngành xây dựng vẫn rất sáng sủa và còn rất nhiều dư địa để tiếp tục phát triển.

Đối với các doanh nghiệp trong hệ thống Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam, Công ty xác định đây là khách hàng truyền thống và cần tiếp tục đẩy mạnh khai thác. Trong giai đoạn tới, khi hoạt động của các doanh nghiệp trong hệ thống Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam phục hồi, nhu cầu xây dựng, sửa chữa tăng sẽ đem lại nhiều công ăn việc làm cho Công ty.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng người lao động trong Công ty tại ngày 31/12/2019

Stt	Trình độ lao động	Số lượng (người)	Cơ cấu
I	Trình độ lao động	55	100%
1	- Thạc sĩ	02	0,3%
2	- Cử nhân (Đại học, Cao đẳng)	24	43,6%
3	- Trung học chuyên nghiệp	01	0,2%

4	- Phổ thông trung học	28	55,9%
II	Giới tính	55	100%
1	Lao động nữ	7	12,7%
2	Lao động nam	48	87,3%

Nguồn: CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVMI

9.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

☛ Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: Một tuần tối đa không quá 48 giờ, 1 ca không quá 8 giờ
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Theo quy định của Nhà nước
- Nghỉ ốm, thai sản: Theo quy định của Nhà nước
- Điều kiện làm việc: Tốt

☛ Chính sách lương

- Chính sách lương: Theo quy định của Nhà nước và Tổng công ty
- Chính sách thưởng: Theo quy chế thi đua khen thưởng Công ty
- Chính sách xét tăng lương: Theo quy định của Nhà nước và quy định tại Thang bảng lương của Công ty.

☛ Chế độ phúc lợi

- Bảo hiểm và phúc lợi: Theo quy định của Nhà nước

☛ Chính sách đào tạo

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, chính trị: Thường xuyên theo kế hoạch từ đầu năm.

☛ Mức lương bình quân

(Đơn vị: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
Thu nhập bình quân /người/tháng	5.700.000	5.700.000

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ tình hình kết quả kinh doanh hàng năm và kế hoạch đầu tư sản xuất kinh doanh trong các năm tiếp theo, Hội đồng quản trị đề xuất để Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Theo đó, tỷ lệ chi trả cổ tức (tính trên vốn điều lệ) của Công ty qua các năm như sau:

Năm	Tỷ lệ cổ tức (%/mệnh giá)	Hình thức
2016	9	Bằng tiền (đã thanh toán)
2017	-	
2018	-	
2019	3	Bằng cổ phiếu (*)

(*) Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Đại hội đã thông qua phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 là 297.000.000 đồng, tương đương 3%/mệnh giá.

Ngày 30/7/2019, Công ty đã hoàn thành chi trả cổ tức bằng cổ phiếu thưởng cho cổ đông.

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	05 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	08 – 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị quản lý	5 năm

11.1.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ. Hiện nay, Công ty không có nợ quá hạn.

11.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản phải nộp ngân sách tại ngày

31/12/2018 và 31/12/2019 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019
1	Thuế giá trị gia tăng	0	10
2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	119	137
3	Thuế thu nhập cá nhân		-
4	Thuế nhà đất, thuê đất		
5	Thuế môn bài		
@	TỔNG CỘNG	119	147

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và 2019 của INCO.

11.1.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định và theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Hàng năm lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập Quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Số dư các quỹ tại ngày 31/12/2018 và 31/12/2019 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	CHỈ TIÊU	31/12/2018	31/12/2019
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi	46	66
2	Quỹ đầu tư phát triển	330	330
@	TỔNG CỘNG	376	396

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và 2019 của INCO.

11.1.5. Tổng dư nợ vay

Tình hình nợ vay của Công ty:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019
I	Vay ngắn hạn	12.995	5.320
	Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và	8.009	4.820
1	Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh (1)		
2	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh (2)	4.986	500

Stt	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019
II	Vay dài hạn	-	-
	Tổng cộng	12.995	5.320

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của INCO.

Ghi chú:

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/153710/HĐTD ngày 03/9/2019 ký giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng – VVMI với hạn mức vay 15 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức này, kỳ hạn và lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Hợp đồng được đảm bảo bằng:

- Toàn bộ số dư tài khoản tiền bằng VNĐ và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác;
- Toàn bộ các nguồn thu hợp pháp mà Công ty là đơn vị được thụ hưởng;
- Toàn bộ giá trị vật tư, hàng hóa, tài sản hình thành từ vốn vay tại BIDV, các L/C do BIDV phát hành, tài trợ và các tài sản hợp pháp khác của Công ty.

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2956.19.031.1479768.TT ngày 24/01/2019 ký giữa Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng – VVMI với hạn mức vay 8 tỷ đồng, thời gian duy trì hạn mức từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức đến ngày 22/01/2020, kỳ hạn và lãi suất căn cứ vào từng giấy nhận nợ của khách hàng với ngân hàng. Hợp đồng được đảm bảo bằng:

- Toàn bộ số dư tài khoản tiền bằng VNĐ và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác;
- Toàn bộ các nguồn thu hợp pháp mà Công ty là đơn vị được thụ hưởng;
- Toàn bộ giá trị vật tư, hàng hóa, tài sản hình thành từ vốn vay tại MB, các L/C do MB phát hành, tài trợ và các tài sản hợp pháp khác của Công ty.

11.1.6. Tình hình công nợ

- Các khoản phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019
-----	-----------	------------	------------

Stt	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	34.808	17.656
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng (*)	22.521	5.780
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.703	1.600
3	Phải thu theo tiến độ hợp đồng	-	-
4	Phải thu ngắn hạn khác (**)	10.781	10.277
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(197)	-
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
	Tổng cộng	34.808	17.656

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và 2019 của INCO.

(*) Các khoản phải thu có tỷ trọng lớn tại khoản phải thu của khách hàng:

STT	Khách hàng	Số dư (triệu đồng)	
		31/12/2018	31/12/2019
I	Nhóm Khách hàng có số dư từ 10% trở lên tổng công nợ phải thu	13.972	4.899
1	Công ty TNHH TM Ngọc Anh	-	3.774
2	Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin	12.616	69
3	Công ty CP Đông Đô	1.356	1.056
II	Các đối tượng khác	8.549	881
	Tổng cộng	22.521	5.780

Nguồn: CTCP Đầu tư và Xây dựng – VVMI

(**) Khoản phải thu ngắn hạn khác là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội đã cầm cố theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2019/153710/HĐBĐ ngày 07/01/2019 để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/153710/HĐTD ngày 10/12/2018 ký giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội và Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng – VVMI. Ngoài ra, Công ty thực hiện ứng trước cho các đội trưởng các đội thi công của Công ty để thực hiện các công trình đảm bảo tiến độ đã cam kết với chủ đầu tư.

- Các khoản phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019
-----	-----------	------------	------------

Stt	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019
I	Nợ ngắn hạn	46.815	18.507
1	Phải trả người bán ngắn hạn (*)	27.424	8.335
2	Người mua trả tiền trước	5.906	4.148
3	Thuế và các khoản phải nộp	119	147
4	Phải trả người lao động	206	202
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	21
6	Phải trả ngắn hạn khác	104	268
7	Vay nợ thuê tài chính	12.995	5.320
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	46	66
II	Nợ dài hạn	-	-
	Tổng cộng	46.815	18.507

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và 2019 của INCO.

(*) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

STT	Khách hàng	Số dư (triệu đồng)	
		31/12/2018	31/12/2019
I	Các nhà cung cấp có số dư phải trả từ 10% trở lên khoản phải trả người bán ngắn hạn	9.198	1.774
1	Công ty TNHH TM Đức Giang	2.410	-
2	Công ty TNHH TM và DV Oanh Sơn	2.409	-
3	Công ty CP Lilama 691- Phả Lại	2.874	374
4	Công ty CP Sản xuất - Thương mại Huy Minh	1.293	723
5	Công ty TNHH DVTM Thiên Phúc An Khang	212	677
II	Phải trả ngắn hạn cho các đối tượng khác	18.226	6.561
	Tổng cộng	27.424	8.335

Nguồn: CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVM

- Hàng tồn kho

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019
1	Nguyên liệu, vật liệu	1.366	272
2	Công cụ, dụng cụ	23	-
3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.666	7.620
	Tổng cộng	14.055	7.892

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và 2019 của INCO.

Lưu ý:

Toàn bộ giá trị vật tư, hàng hóa và các tài sản hợp pháp khác của Công ty được sử dụng để đảm bảo cho 02 hợp đồng tín dụng hạn mức ký giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội và Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,17	1,43
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
(TS ngắn hạn- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,86	1,00
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	81,47	63,46
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	439,55	173,68
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
(Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho BQ)	vòng	4,94	3,02
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	vòng	1,26	0,85
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	0,01	0,01
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,07	0,05
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	0,01	0,01
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	0,03	0,38

12. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty)

⚡ Giá trị tài sản cố định của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2019

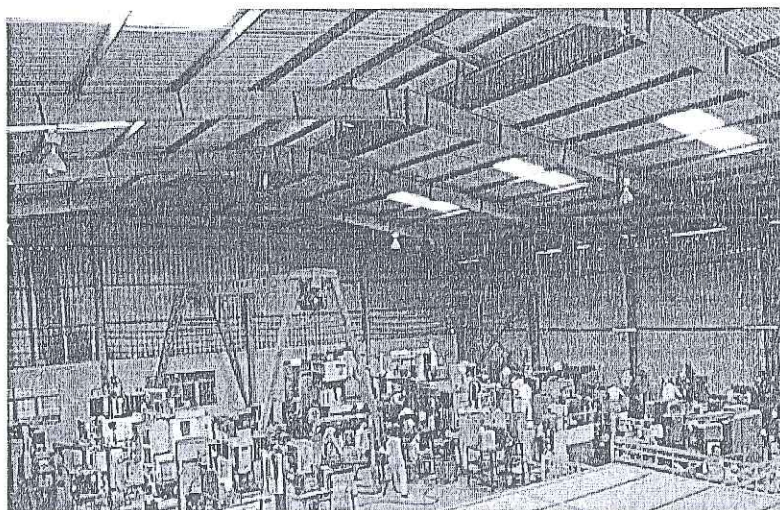
Đơn vị tính: đồng

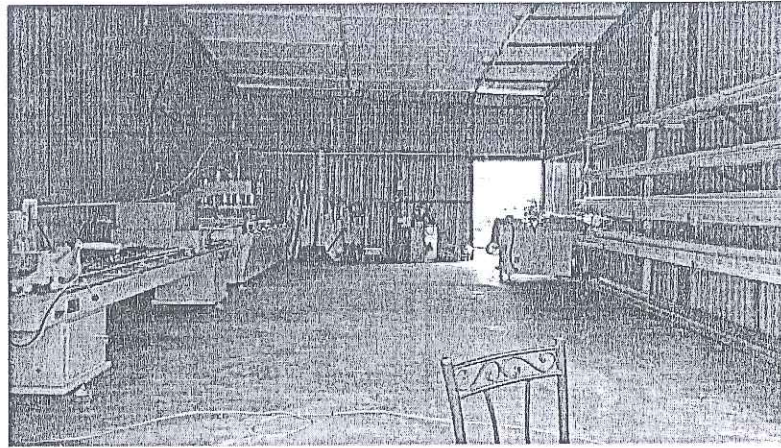
STT	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ GTCL/NG (%)
I	TSCĐ hữu hình	5.287	2.598	49,14%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	3.807	2.407	63,23%
2	Máy móc, thiết bị	47	7	14,89%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.433	184	12,84%
II	TSCĐ vô hình	-	-	-
@	Tổng cộng	5.287	2.598	49,14%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVM/

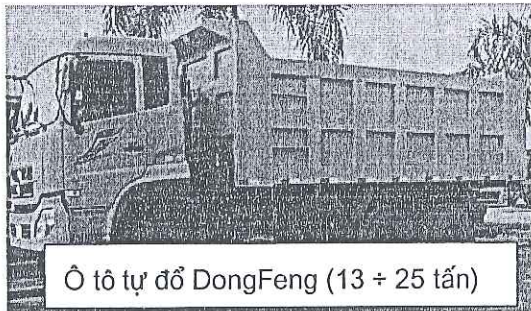
⚡ Hình ảnh tài sản cố định của Công ty

Nhà xưởng





Phương tiện vận chuyển, truyền dẫn



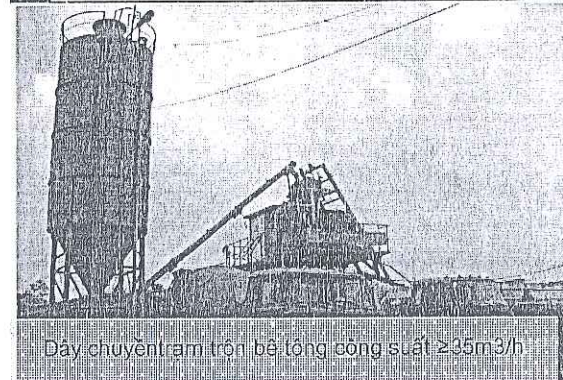
Ô tô tự đổ DongFeng (13 ÷ 25 tấn)



Ô tô tự đổ Huyndai (13 ÷ 25 tấn)



Cần trục bánh lốp Koberco RK 250



Dây chuyền trộn bê tông công suất $\geq 35\text{m}^3/\text{h}$

✦ Tình hình đất đai Công ty đang quản lý:

TT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Hình thức thuê đất	Mục đích sử dụng
1	Tổ 20 – Thị trấn Đông Anh – TP Hà Nội	1.504	Giao đất, đóng thuế hàng năm	Làm trụ sở Văn phòng Công ty
2	Tổ 21 – Thị trấn Đông Anh – TP Hà	2.570	Giao đất, đóng thuế	Làm nhà xưởng, kho của Công

K

TT	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Hình thức thuê đất	Mục đích sử dụng
	Nội		hàng năm	ty
3	Tại phường Quán Triều, TP Thái Nguyên	252	Giao đất, đóng thuế hàng năm	Làm kho của Công ty khu vực Thái Nguyên
4	Tại phường Cẩm Phú, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	456	Trả tiền thuế đất hàng năm	Làm kho của Công ty khu vực Quảng Ninh

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

13.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2020 và năm 2021

Hiện tại, Công ty chưa tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, do vậy kế hoạch kinh doanh năm 2020 và 2021 do Hội đồng quản trị xây dựng để trình ĐHCĐ. Căn cứ theo mục tiêu và định hướng phát triển chiến lược của CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVMI đối với ngành kinh doanh, lợi thế cạnh tranh của Công ty và tiềm năng phát triển thị trường, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty năm 2020 và năm 2021 cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2019	Năm 2020		Năm 2021	
			Kế hoạch	+/- so với 2019 (%)	Kế hoạch	+/- so với thực hiện 2020 (%)
Vốn điều lệ	Triệu đồng	10.197	10.197	-	10.197	-
Doanh thu thuần	Triệu đồng	36.584	60.000	64,01	65.000	8,33
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5	80	1.600	85,6	7,00
Tỷ lệ LNST/DTT	%	0,01	0,13	-	0,13	-
Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	%	0,04	0,78	-	0,83	-
Tỷ lệ cổ tức	%	3	0	-	0	-

Nguồn: CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVMI.

13.2. Cơ sở thực hiện kế hoạch

Từ năm 2018 đến nay Công ty đã cố gắng tìm kiếm công việc cả trong và ngoài ngành

than nhưng do tình hình kinh tế năm 2018 và đầu năm 2019 gặp nhiều khó khăn nên công tác đầu tư xây dựng ít đi dẫn đến kế hoạch đầu tư, sửa chữa của các thị trường truyền thống mà Công ty tham ra cũng bị hạn chế. Cuối năm 2019 Công ty đã thực hiện đấu thầu các gói thầu của thị trường truyền thống, dự kiến thi công trong năm 2020. Vì vậy Công ty đã lập kế hoạch năm 2020 cao hơn năm 2019.

- **Căn cứ thực hiện kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**
 - Hàng năm, Căn cứ vào số liệu thống kê thị trường việc làm, giá cả nguyên nhiên vật liệu, lãi xuất ngân hàng.... Công ty tiến hành xây dựng và điều chỉnh các kế hoạch năm tiếp theo, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn cho 5 năm, 10 năm... nhằm có mục tiêu phấn đấu phát triển bền vững Công ty. Kế hoạch bao gồm đầy đủ các chỉ tiêu, yếu tố về thị trường việc làm, Doanh thu, lợi nhuận, tiền lương, cổ tức....
 - **Thực hiện tiết kiệm và quản lý chi tiêu**
 - Công ty thực hiện triệt để tiết kiệm trong mọi chi phí chi tiêu nội bộ từ Ban giám đốc cho đến từng công nhân lao động, chống lãng phí trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.
 - Ban Giám đốc cùng bộ phận nghiệp vụ thường xuyên kiểm tra, giám sát mọi chi phí đầu vào, đầu ra tại các cơ sở sản xuất, đôn đốc các cơ sở sản xuất thực hiện đúng các quy trình làm giảm chi phí thấp nhất cho đơn vị.
 - **Giải pháp về đầu tư**
 - Kế hoạch đầu tư, dự án của Công ty hàng năm được trình qua đầy đủ các cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định sau đó trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để thực hiện.
 - Kế hoạch đầu tư phát triển của Công ty chủ yếu là đầu tư máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ thi công và được xây dựng bổ xung hàng năm sau đó trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện..
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng
- Không có.
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh
- Tiếp tục giữ vững mảng sản xuất kinh doanh truyền thống, tập trung tất cả nguồn lực để nâng cao chất lượng sản phẩm.
 - Cơ cấu và phát triển các dự án phù hợp với nguồn lực hiện có của Công ty trên cơ sở ưu tiên các dự án phát huy hiệu quả nhanh về doanh thu và lợi nhuận; tìm đối tác để hợp tác phát triển các dự án có nhu cầu vốn lớn và thu hồi lại vốn.

- Xây dựng chiến lược phát triển Công ty phù hợp với môi trường và quy mô đàn heo của Công ty trong bối cảnh thị trường cạnh tranh khốc liệt.
- Thực hiện đổi mới quản trị để nâng cao sản lượng, chất lượng và hiệu quả điều hành để đạt được mục tiêu chính về sản xuất kinh doanh.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có.

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Stt	Họ tên	Chức vụ
Hội đồng quản trị		
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT không độc lập
2	Ông Trịnh Hoàng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
3	Ông Nguyễn Văn Cường	Thành viên HĐQT không độc lập
Ban kiểm soát		
1	Ông Lê Minh Hiên	Trưởng BKS
2	Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên BKS
3	Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Thành viên BKS
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng		
1	Ông Trịnh Hoàng Nam	Giám đốc
2	Ông Nguyễn Tiến Việt	Kế toán trưởng

1. Hội đồng quản trị

1.1. Ông Nguyễn Anh Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: Nguyễn Anh Tuấn
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 23/9/1964
 Nơi sinh: Xã Giai Xuân, Huyện Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An
 CMND: 011680132
 Quốc tịch: Việt Nam
 Địa chỉ thường trú: Số nhà 11A- ngõ 639/39/16 đường Hoàng Hoa Thám, Phường

Vĩnh Phúc- Ba Đình- Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
Từ 02/1985 – 3/1993	Nhân viên kế toán xí nghiệp vật tư, vận tải và chế biến than
Từ 4/1993 – 6/2000	Kế toán trưởng xí nghiệp vật tư, vận tải và chế biến than
Từ 7/2000 – 12/2002	Phó phòng kế toán, Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP
Từ 01/2003 – 8/2003	Phó phòng kế hoạch, Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP
Từ 9/2003 – Nay	Trưởng phòng kế hoạch, Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP.
Từ 04/2012 - nay	Thành viên BKS Công ty Cổ phần Than – Điện Nông Sơn
Từ 15/03/2018 - nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư và Xây dựng – VVMI

Chức vụ công tác tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng phòng kế hoạch, Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP

Thành viên BKS Công ty Cổ phần Than – Điện Nông Sơn

Số CP nắm giữ tại ngày 03/01/2020: 520.047 cổ phiếu, chiếm 51% Vốn điều lệ.

+ Đại diện sở hữu của Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - TKV : 520.047 cổ phiếu, chiếm 51% Vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

1.2. Ông Trịnh Hoàng Nam – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Họ và tên: Trịnh Hoàng Nam

Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 13/7/1980
 Nơi sinh: Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội
 CMND: 001080007501, cấp ngày 07/7/2015
 Quốc tịch: Việt Nam
 Địa chỉ thường trú: G23, TT Z117, Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
Từ 01/2003 – 05/2004:	Cán bộ phòng Kế toán tài chính – Công ty CP Xây lắp Đông Anh
Từ 6/2004 – 7/2006:	Cán bộ phòng Tổ chức hành chính – Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Than nội địa
Từ 8/2006 – 11/2006:	Cán bộ phòng Kinh tế thị trường – Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Than nội địa
Từ 12/2006 – 01/2009:	Phó phòng Tổ chức hành chính – Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Than nội địa
Từ 02/2009 – 10/2013:	Phó phòng Kinh tế thị trường – Công ty CP Đầu tư và Xây dựng - VVMI
Từ 10/2013 – 3/2015:	Trưởng phòng Kinh tế thị trường – Công ty CP Đầu tư và Xây dựng – VVMI
Từ 4/2015 – nay:	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng – VVMI

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
 Số CP nắm giữ tại ngày 03/01/2020: 11.761 cổ phiếu, chiếm 1,15% Vốn điều lệ.
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.
 + Cá nhân sở hữu: 11.761 cổ phiếu, chiếm 1,15% Vốn điều lệ.
 Tỷ lệ sở hữu CP người liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

1.3. Ông Nguyễn Văn Cường – Thành viên HĐQT

Họ và tên: Nguyễn Văn Cường

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 11/05/1965

Nơi sinh: Thái Sơn- Thái Thụy – Thái Bình

CMND: 012453267 cấp ngày 12/9/2013

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Số 29 ngách 1/45 Đồng Me, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Công nhân kỹ thuật

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
12/1985- 03/1999	Công nhân kỹ thuật Xí nghiệp xây dựng công nghiệp và dân dụng Hà Nội
03/1999 – 02/2002	Đội phó Đội 01 Xí nghiệp xây dựng công nghiệp và dân dụng Hà Nội (Sau đổi tên là Công ty CP Xây lắp Đông Anh)
03/2002 – Nay	Đội trưởng Đội 03 Công ty CP Xây lắp Đông Anh nay là Công ty CP Đầu tư và Xây dựng - VVMI
04/2015 – Nay	Ủy viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng - VVMI

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Đội trưởng Đội 03

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ tại ngày 03/01/2020: 5.384 cổ phiếu, chiếm 0,53% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: 5.384 cổ phiếu, chiếm 0,53% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

2. Ban kiểm soát

2.1. Ông Lê Minh Hiến – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: Lê Minh Hiến
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 21/02/1981
Nơi sinh: Gia Hưng- Gia Viễn – Ninh Bình
CMND: 037081001304
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 38 phố Khương Trung- Thanh Xuân – Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
Từ 10/2003 – 4/2009	Chuyên viên Phòng kiểm toán nội bộ - Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc
Từ 5/2009 – 11/2015	Kế toán trưởng – Công ty than Khánh Hòa
Từ 12/2015– 12/2017	Phó phòng Kế toán Thống kê Tài chính - Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc
Từ 01/2018– 12/2018	Kế toán trưởng- Công ty CP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI
Từ 1/2019– đến nay	Phó phòng Kế toán Thống kê Tài chính - Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc,
03/2019 – nay	Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVMI

Chức vụ công tác tại Công ty: Trưởng Ban Kiểm soát

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó phòng KTTCTCế toán Thống kê Tài chính -
Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc

Số CP nắm giữ tại ngày 03/01/2020: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

2.2. Bà Phạm Thị Thúy Nga – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: Phạm Thị Thúy Nga

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 13-6-1973

Nơi sinh: Phúc Yên – Vĩnh Phúc

CMND: 012989457

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Số 33 Phố Thượng Thụy – Phường Phú Thượng - Quận Tây Hồ
- Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
Từ 1/1995 – 5/2013	Chuyên viên kế toán tại Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc -Vinacomin
Từ 5/2013 – 2/2017	Kế toán Công ty cổ phần đầu tư Thái Sơn Hà
Từ 2/2017 – đến nay	Chuyên viên kế toán tại Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP
03/2019 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVMI

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên viên kế toán tại Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP

Số CP nắm giữ tại ngày 03/01/2020: 204 cổ phiếu, chiếm 0,02% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 204 cổ phiếu, chiếm 0,02% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

2.3. Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy Hằng

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 13/07/1979

Nơi sinh: Đông Anh – Hà Nội

CMND: 001179017678 - Ngày cấp 01/12/2017 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Tổ 22, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
01/2006-12/2009	Cán bộ phòng kế toán Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Than nội địa.
01/2010-03/2015	Phó phòng Kế toán tài chính Công ty CP Đầu tư và Xây dựng – VVMI.
28/3/2015-8/5/2015	Ủy viên Ban kiểm soát; Phó phòng Kinh tế thị trường Công ty CP Đầu tư và Xây dựng - VVMI;
8/5/2015-31/5/2016	Ủy viên Ban kiểm soát; Phó phòng Kinh tế thị trường Công ty CP Đầu tư và Xây dựng - VVMI;

01/6/2016-Nay	Ủy viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Kế hoạch vật tư thị trường; Công ty CP Đầu tư và Xây dựng – VVMI;

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Kế hoạch vật tư thị trường

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ tại ngày 03/01/2020: 897 cổ phiếu, chiếm 0,09% vốn điều lệ.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% % vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: 897 cổ phiếu, chiếm 0,09% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

3. Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

3.1. Ông Trịnh Hoàng Nam – Giám đốc: xem mục III-1-1.2.

3.2. Ông Nguyễn Tiến Việt – Kế toán trưởng:

Họ và tên: Nguyễn Tiến Việt

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 26/11/1981

Nơi sinh: Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội.

CMND: 012202490

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Tổ 18, Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán doanh nghiệp, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
Từ 4/2004-6/2006:	Nhân viên kinh tế đội Xây dựng số 1, nhân viên kế toán tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng - VVMI
Từ 7/2006-04/2010:	Phó phòng Tổ chức hành chính Công ty CP Đầu tư và Xây dựng - VVMI

Từ 5/2010-9/2011:	Trưởng phòng Kế toán Công ty CP Đầu tư và Xây dựng - VVMI
Từ 10/2011- nay:	Kế toán trưởng kiêm Thư ký HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng – VVMI

Chức vụ công tác tại Công ty:	Kế toán trưởng kiêm Thư ký HĐQT
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ tại ngày 03/01/2020:	5.125 cổ phiếu, chiếm 0,5% vốn điều lệ.
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
+ Cá nhân sở hữu:	5.125 cổ phiếu, chiếm 0,5% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không có

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Với mô hình hoạt động trong ngành xây dựng, các công trình ở cách xa Trụ sở nên quá trình quản trị và điều hành còn nhiều sự chậm chễ và thiếu sự sát sao. Mặc dù thời đại của Công nghệ thông tin bùng nổ đã hỗ trợ nhiều trong quá trình quản lý điều hành tuy nhiên vẫn còn rất nhiều khó khăn. Điển hình như các hạng mục công trình nếu phải thi công ở các vùng sâu, vùng xa sẽ rất thiếu thông tin kịp thời để quản trị và điều hành.

Mặc dù Công ty hoạt động với mô hình cổ phần hoá từ năm 2000 đến nay và đã xây dựng nhiều hệ thống văn bản như: Điều lệ, quy chế, quy định... dựa trên văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước. Tuy nhiên để linh hoạt trong điều hành và phù hợp với thực tế, Công ty luôn phải rà soát sửa đổi, ban hành các quy chế, quy định... và xây dựng các kế hoạch ngắn hạn, dài hạn về mọi mặt hoạt động.

Hàng tháng, quý, năm duy trì các cuộc họp HĐQT, Ban Giám đốc, Họp giao ban, sản xuất đều đặn nhằm giải quyết kịp thời các vướng mắc.

Tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực quản lý, điều hành và thi công nhằm đáp ứng nhu cầu hiện nay. Lấy trọng tâm là phát triển Nhân lực.

Hiện tại, hệ thống quản trị Công ty vẫn đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nhằm đáp ứng các quy định của Quy chế quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Công ty cam kết sẽ hoàn thiện nhân sự và các tiêu chuẩn về quản trị công ty đáp ứng quy định của pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Trong kỳ đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng cũng theo đúng quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện cập nhật quy định, kiến thức liên quan đến việc quản trị công ty đại chúng cũng như hoạt động công bố thông tin.

IV. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tổ chức tư vấn

Công ty cổ phần Chứng khoán Rồng Việt - Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà Eurowindow, số 2 Tôn Thất Tùng, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 6288 2006 Fax: (024) 6288 2008

Website: <http://www.vdsc.com.vn>

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 10, 12 tòa nhà Hapulico, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: 84 024 6664 4488 Fax: 84 024 6664 2233

Email: pkfvietnam@pkf.com.v.n

V. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Phụ lục II: BCTC kiểm toán năm 2019.

Hà Nội, ngày 24... tháng 04... năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



Trịnh Hoàng Nam

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - CHI NHÁNH HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH



GIÁM ĐỐC

Trần Thăng Long